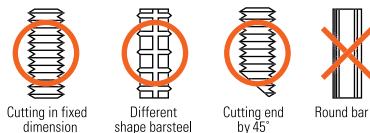


Shape of bolt used

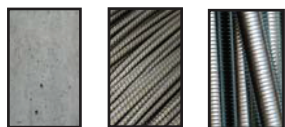


HÓA CHẤT CÂY THÉP / BULONG

RESIN PE-600EX

PE-600EX

Pure Epoxy RESIN



Pure Exoxy

600ml

2 ống thành phần bơm hóa chất theo tỷ lệ 1:1

Công thức chuyển hóa từ Epoxy nguyên chất với cường độ kết dính cao, được phát triển để liên kết thanh ren và thanh sắt vào trong bê tông. Dùng trong các cấu kiện chịu lực cao khi mà khả năng chịu tải là quan trọng.

• ĐẶC TÍNH

- Phù hợp sử dụng trong các thành tố có đường kính lớn và chiều sâu chôn sâu.
- Thời gian ngưng kết lâu hơn, giúp sử dụng phù hợp với các lỗ khoan lớn và môi trường làm việc có nhiệt độ cao.
- Keo không co rút, giúp lắp đặt tốt trong các đường kính lớn.
- Dùng trong môi trường ướt, ngập nước, hoặc nằm dưới nước.
- Độ bền cao, kháng lại các hóa chất khác.
- Dùng cho lỗ khoan mũi kim cương.
- Nhựa epoxy không dung môi.
- Dùng cho bê tông, gỗ, hoặc các vật liệu cường độ cao khác.

• CHỨNG CHỈ / CHỨNG NHẬN

18/1157 ETA TR023 Post Installed Rebar Installations.
19/0705 ETA Option 1 Concrete
C1 and C2 Seismic Approval
100 Years Anchor Service Life
CE Certified 1404-CPR-3135 / 3267 ZAG
WRAS Approved for use with Potable drinking water*
LEED tested 2009 EQ c4.1 SCAQMD rule 1168 (2005.)
VOC A+ Rating (Volatile Organic Content)

• TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Trộn màu – xám

Tỷ trọng – 1.43kg/m²

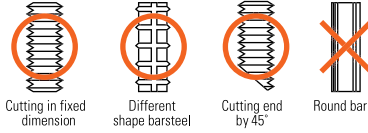
Cường độ nén – 88 N/mm² (EN ISO 604)

• KHẢ NĂNG CHỊU KÉO – CHIỀU SÂU NEO TIÊU CHUẨN

Concrete, C20/25, 5.8 Grade Studding						
Đường kính	Kéo tải đề nghị (kN)		Khoảng cách cấy 2 thanh sắt (S _{cr,N}) (mm)	Đường kính lỗ khoan (mm)	Đường kính bán mã chân đế trụ (mm)	Chiều sâu hữu dụng (mm)
	Lực kéo (N _{rec})	Lực cắt (V _{rec})				
M8	9.07	5.14	160	10	9	80
M10	14.36	8.57	200	12	12	90
M12	20.86	12.00	240	14	14	110
M16	38.86	22.29	320	18	18	125
M20	60.64	34.86	400	22	22	170
M24	87.43	50.29	480	28	26	210
M30	138.93	81.43	600	35	32	280



Shape of bolt used



HÓA CHẤT CÂY THÉP / BULONG

PURE
RESIN PE-600EX

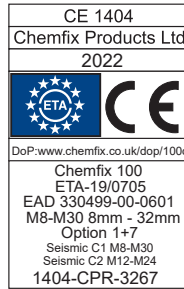
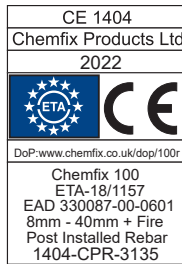
PE-600EX
Pure Epoxy RESIN

• THỜI GIAN NGỪNG KẾT

Nhiệt độ vật liệu	5°C	15°C	25°C	35°C	40°C
Thời gian làm việc (phút)	100'	60'	40'	25'	20'
Thời gian đông cứng bề tổng khô	40 giờ	24 giờ	11 giờ	9 giờ	8 giờ
Thời gian đông cứng bề tổng ướt	x 2	x 2	x 2	x 2	x 2

(x 2 = đông cứng lâu gấp 2 lần so với thông thường)

• CHỨNG NHẬN



**FIRE
RATED**

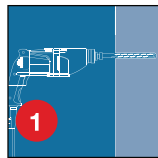


C2

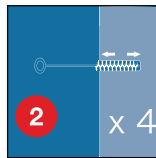
• LẮP ĐẶT

DÙNG CHUNG LOẠI SÚNG VỚI KEO UNIKA PE-600EC

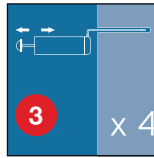
Chất nền rắn



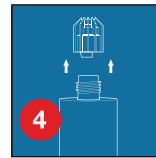
(Khoan tạo lỗ)



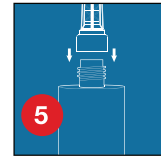
(Vệ sinh lỗ khoan)



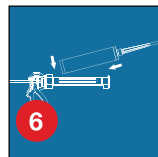
(Thổi bụi)



(Mở nắp tuýp keo)



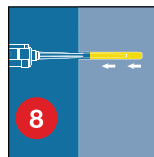
(Gắn vòi trộn tĩnh)



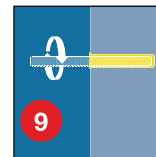
(Gắn vào súng bắn keo)



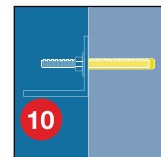
(Bỏ phần keo đầu tiên)



(Bơm keo vào lỗ khoan)



(Ẩn thanh sắt vào và xoay)



(Lắp đặt)

Không dùng cho tường rỗng (Unika có loại keo chuyên dùng cho tường rỗng **GE-410**)

Những thông tin khác, vui lòng xem bảng Thông Số Kỹ Thuật

• LƯU KHO

Nhiệt độ từ +5°C đến +25°C

Tránh ánh sáng trực tiếp

Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất (tham khảo thông tin trên bao bì)

Những thông tin và dữ liệu cung cấp trên đây được dựa trên những nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn. Những thông số này là đáng tin cậy và chính xác. Tuy nhiên, Unika không thể biết về những phương pháp khác nhau mà sản phẩm được sử dụng, hoặc phương pháp sử dụng, nên không thể đảm bảo về tính phù hợp của sản phẩm. Người dùng có trách nhiệm xem xét sự phù hợp khi sử dụng sản phẩm.

Vui lòng liên hệ Bộ Phận Kỹ Thuật khi cần tư vấn thêm

www.npower.com.vn

Tài liệu được tổng hợp bởi đội ngũ kỹ thuật của **NPOWER**
Bản quyền nội dung thuộc về công ty **UNIKA**



Powered by **NAVITECH** | www.navitech.co